

NHỮNG NHẬN THỨC MỚI VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

NGUYỄN QUỐC PHẨM, ĐỖ THỊ THẠCH (đồng
chủ biên, 2012). *Những nhận thức mới về chủ nghĩa
xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*.
Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội, 318 trang.

HẢI THANH
giới thiệu



Sau hơn hai mươi năm đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử đối với vận mệnh của dân tộc. Thành tựu của công cuộc đổi mới đã và đang tạo nên thế và lực mới để Đảng và nhân dân ta thực hiện hệ mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Làm rõ thêm những nhận thức mới của Đảng về CNXH và xây dựng CNXH trong hơn 25 năm đổi mới và thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991), từ đó nêu lên một số định hướng cơ bản và giải pháp chủ yếu tiếp tục bổ sung, phát triển lý luận về CNXH, xây dựng CNXH ở Việt Nam là những nội dung chính của cuốn sách.

1. Với nhận thức chủ nghĩa Marx-Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH là cơ sở lý luận và phương pháp luận từ đó vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Marx-Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong những điều kiện cụ thể của Việt Nam, các tác giả làm rõ những đặc trưng bản chất, những luận điểm của chủ nghĩa Marx-Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH và xây dựng CNXH là những cơ sở lý luận và nhận thức mới, đồng thời xem xét, lấy bối cảnh quốc tế

và Việt Nam giai đoạn 25 năm đổi mới là những cơ sở thực tiễn của nhận thức mới về CNXH và xây dựng CNXH ở Việt Nam.

Các tác giả chỉ rõ, những luận điểm về CNXH và xây dựng CNXH của chủ nghĩa Marx-Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh cần được đúc kết sâu sắc khi bàn đến cái phổ biến, cái chung và cái đặc thù, cái riêng trong quá trình nhận thức về CNXH và xây dựng CNXH ở Việt Nam. Chúng ta phải luôn luôn dựa trên cơ sở lý luận và phương pháp luận từ

những quan điểm mà chủ nghĩa Marx-Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh đã vạch ra, phải vận dụng, phát triển sáng tạo những cơ sở lý luận và phương pháp luận đó trong thực tiễn của Việt Nam. Mặt khác, những nhận thức đúng về CNXH và xây dựng CNXH chỉ có thể có được khi gắn lý luận với thực tiễn, tổng kết thực tiễn và phát triển lý luận - đó là “mảnh đất hiện thực Việt Nam”.

2. Những điểm mới trong nhận thức của Đảng về CNXH

** Về bổ sung, phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng, nền tảng của lý luận CNXH*, các tác giả chỉ ra rằng, sự đổi mới được biểu hiện ở chỗ, *thứ nhất*, từ Đại hội VII, Đảng đã khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh là nhân tố cấu thành, cùng với chủ nghĩa Marx-Lenin tạo thành nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động cách mạng của Đảng. Đây là một phát hiện lớn trong nhận thức về CNXH và xây dựng CNXH của Đảng và nhân dân ta, có thể coi là nét đặc sắc trong nhận thức mới về CNXH ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. *Thứ hai*, Đại hội IX của Đảng đánh dấu mốc phát triển mới của Đảng về tư tưởng Hồ Chí Minh. Lần đầu tiên, Đảng đưa ra một quan niệm hoàn chỉnh về tư tưởng Hồ Chí Minh. *Thứ ba*, trước nay Đảng thường chỉ yêu cầu vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Marx-Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong hoạt động của Đảng, thì đến Đại hội XI, trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* - gọi tắt là *Cương lĩnh năm 2011*, đã có sự khẳng định “Đảng phải nắm vững, vận dụng sáng tạo, góp phần phát triển chủ nghĩa Marx-Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng làm giàu trí tuệ, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất

đạo đức và năng lực tổ chức để đủ sức giải quyết các vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra”.

** Những điểm mới trong nhận thức của Đảng về thời kỳ quá độ lên CNXH* được thể hiện rõ: 1/ Nhận thức đầy đủ hơn về nội dung quá độ bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa (TBCN) trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Theo quan điểm của Đảng, bỏ qua chế độ TBCN là bỏ qua chế độ áp bức, bóc lột, bóc lột TBCN, bỏ qua những thói hư tật xấu, những thiết chế, thể chế chính trị không phù hợp với chế độ XHCN mà chúng ta đang xây dựng, chứ không phải bỏ qua tất cả những thành tựu, giá trị văn minh mà nhân loại đã đạt được trong thời kỳ phát triển chủ nghĩa tư bản (CNTB). 2/ Nhận thức rõ hơn về tính chất lâu dài, khó khăn, phức tạp của thời kỳ quá độ lên CNXH, xác định rõ mục tiêu tổng quát và mục tiêu chặng đường đầu của thời kỳ quá độ.

** Phác thảo những đặc trưng cơ bản của CNXH Việt Nam*, các tác giả so sánh và chỉ ra những điểm mới trong nhận thức của Đảng về xây dựng CNXH qua các kỳ đại hội, đặc biệt là chỉ rõ những điểm mới của *Cương lĩnh năm 2011* so với *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991)* - gọi tắt là *Cương lĩnh năm 1991* và Văn kiện Đại hội X (2002). Cụ thể là:

- Bổ sung thêm hai đặc trưng bao trùm, tổng quát vào sáu đặc trưng của *Cương lĩnh năm 1991* và văn kiện các kỳ đại hội trước là, “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” và “có Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo”. Hai đặc trưng này Đại hội X đã bổ sung, nhưng điểm mới là chuyển từ “dân chủ” lên trước “công bằng” trong đặc trưng tổng quát,

bởi cả lý luận và thực tiễn đều chỉ rõ *dân chủ là điều kiện, tiền đề của công bằng, văn minh*; đồng thời, để nhấn mạnh bản chất của xã hội ta là xã hội dân chủ theo đúng tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Bổ sung, phát triển một số đặc trưng trong *Cương lĩnh năm 1991* cho phù hợp với mục tiêu khi nước ta đã xây dựng xong CNXH như: diễn đạt “do nhân dân làm chủ” thay cho “do nhân dân lao động làm chủ”. Về con người, “con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc có điều kiện phát triển toàn diện” thay cho “con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân”. Về đặc trưng dân tộc, “các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển” thay cho các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ”. Đặc trưng về hợp tác quốc tế trong *Cương lĩnh năm 1991* xác định “có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới”, trong *Cương lĩnh năm 2011* mở rộng thành “có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”. Về đặc trưng kinh tế, kế thừa từ *Cương lĩnh năm 1991* và Đại hội X, *Cương lĩnh năm 2011* ghi “có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp” (bổ sung từ “tiến bộ”, bỏ cụm từ “với trình độ của lực lượng sản xuất”).

* *Nhận thức rõ hơn về đấu tranh giai cấp và liên minh giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH*. Từ chỗ nhận thức rõ được vai trò của liên minh giai cấp trong đấu tranh giai cấp, từ Đại hội VII, Đảng đã chủ trương *một mặt*, tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín

ngưỡng của nhân dân, thực hiện đoàn kết lương giáo và giữa các tôn giáo, khắc phục thái độ hẹp hòi, thành kiến, phân biệt đối xử với đồng bào có đạo, chống những hành động vi phạm tự do tín ngưỡng; *mặt khác*, nghiêm cấm và ngăn chặn mọi hành vi lợi dụng tôn giáo phá hoại độc lập và chống phá CNXH, đoàn kết dân tộc, ngăn cản tín đồ làm nghĩa vụ công dân. Với những người đã tham gia quân đội và chính quyền chế độ cũ, Đảng, Nhà nước, xã hội xóa bỏ mọi thành kiến, tạo điều kiện để họ góp phần xây dựng đất nước. Với bà con Việt kiều, Đảng, Nhà nước hoan nghênh bà con giữ gìn bản sắc, truyền thống và giá trị văn hóa dân tộc, tình cảm gắn bó với quê hương, đất nước... Đây là những nhận thức mới quan trọng về cuộc đấu tranh giai cấp ở nước ta, mặc dù không nói trực tiếp vào thuật ngữ “đấu tranh giai cấp”. Bởi lẽ, thực hiện liên minh giai cấp cũng là một nội dung (một mặt) của đấu tranh giai cấp. Trên tinh thần ấy, trong văn kiện các Đại hội VII, VIII, IX, X, XI, Đảng luôn đề cao nhiệm vụ tăng cường khối đoàn kết toàn dân tộc.

* *Nhận thức mới về xây dựng nền kinh tế trong thời kỳ quá độ lên CNXH* thể hiện ở việc nhận thức đúng hơn về mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất: 1/ *Đổi mới về quan hệ sở hữu*: kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế. Doanh nghiệp cổ phần ngày càng phát triển, trở thành hình thức tổ chức kinh tế phổ biến, thúc đẩy xã hội hóa sản xuất kinh doanh và sở hữu. Xóa bỏ mọi sự phân biệt đối xử theo hình thức sở hữu. 2/ *Đổi mới căn bản về quan hệ quản lý*: từ chỗ đồng nhất quan hệ sở

hữu và tổ chức quản lý trong một chủ thể với các tài sản thuộc sở hữu toàn dân, tôi nhận thức về khả năng và sự cần thiết phải tách giữa quyền sở hữu với quyền tổ chức sản xuất kinh doanh, dần khẳng định tính tự chủ của mọi loại hình doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. 3/ *Điều chỉnh căn bản về quan hệ phân phối*: từ chỗ coi Nhà nước là chủ thể quyết định phân phối tới chỗ xác định rõ vị trí, vai trò của phân phối lần đầu và cả phân phối lại. Nhận thức mới về xây dựng nền kinh tế trong thời kỳ quá độ còn là nhận thức đầy đủ hơn về các thành phần kinh tế và chế độ sở hữu.

* *Nhận thức mới về chính trị và hệ thống chính trị XHCN*. Chế độ chính trị XHCN mà Đảng và nhân dân ta xây dựng là chế độ dân chủ XHCN, bảo đảm đầy đủ và thực chất quyền dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân lao động. Cơ chế để nhân dân thực hiện quyền lực của mình được xác định bởi mối quan hệ giữa các bộ phận cấu thành của hệ thống chính trị: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Nhân dân tham gia trực tiếp vào xây dựng, đổi mới, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN. Trong những năm đổi mới, sự đổi mới nhận thức về chính trị của Đảng tập trung trên lĩnh vực đổi mới hệ thống chính trị. Tại Văn kiện Hội nghị Trung ương 6 (khóa VI), khái niệm “hệ thống chính trị” đã được Đảng chính thức sử dụng, thay cho khái niệm “hệ thống chuyên chính vô sản” trước đó để phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và của thời đại.

Nhận thức mới về chính trị và hệ thống chính trị XHCN ở nước ta thể hiện ở việc: 1/ Nhận thức cụ thể hơn về vai trò lãnh đạo của Đảng (tuyệt đối)

trong toàn bộ hệ thống chính trị (khẳng định qua các văn kiện của các kỳ đại hội) trong công cuộc đổi mới đất nước theo định hướng XHCN. 2/ Nhận thức rõ hơn về vai trò quản lý của Nhà nước và xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN (chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN là một nhận thức mới của Đảng trong thời kỳ đổi mới). 3/ Nhận thức dân chủ XHCN vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới đất nước (Đại hội VI của Đảng cùng với bài học “lấy dân làm gốc”). 4/ Từ Đại hội IX đến Đại hội XI, trong các nghị quyết của Đại hội và của Ban chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, vấn đề phát huy dân chủ, mở rộng dân chủ, thực hiện dân chủ hóa tiếp tục được quan tâm, coi trọng, làm cho các giá trị dân chủ ngày càng đi vào đời sống xã hội, tạo ra động lực, nguồn lực, sức mạnh tổng hợp để thực hiện CNH, HĐH đất nước.

* *Nhận thức mới về mối quan hệ giữa CNXH với CNTB hiện đại và chủ động hội nhập quốc tế*. Có thể nói, CNTB và CNXH là hai chế độ xã hội khác nhau về bản chất. Điều này đã làm cho quá trình đấu tranh giữa CNTB và CNXH ngày càng trở nên quyết liệt. Từ Đại hội VI, trước những thay đổi to lớn trên thế giới và thực tiễn ở Việt Nam, Đảng đã nhận rõ “phải mở cửa và hội nhập với thế giới trên nguyên tắc bình đẳng cùng có lợi, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau”. Đảng khẳng định, phải quan hệ rộng rãi với các nước, không phân biệt chế độ chính trị, lý tưởng, thậm chí với cả các nước trước đây là kẻ thù trực tiếp của nhân dân ta. Đến Đại hội VII, Đảng xác định “Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập dân tộc và phát triển”. Tại Đại hội VIII, Đảng đã bổ sung và

phát triển tư duy đối ngoại. Đảng đã đổi mới nhận thức về tình hình thế giới và khu vực; chuyển từ cách nhìn thế giới chỉ dưới góc độ một vũ đài đấu tranh sang cách nhìn toàn diện hơn; coi thế giới như môi trường tồn tại và phát triển của Việt Nam.

Sự chuyển biến tư duy quan trọng trong lĩnh vực quốc tế và đối ngoại là quan điểm “thực hiện đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế”, lấy việc bảo đảm lợi ích quốc gia là nguyên tắc tối cao của hội nhập. Qua các Đại hội VIII, IX, X, Đảng đã tuyên bố “Việt Nam muốn là bạn”, “sẵn sàng là bạn”, “là bạn, là đối tác tin cậy” của các nước trong cộng đồng quốc tế. Đến Đại hội XI, Đảng phát triển chủ trương này thành “là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”.

3. Những điểm mới trong nhận thức của Đảng về xây dựng CNXH

** Phác thảo những phương hướng cơ bản xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH.* Kế thừa Đại hội X, *Cương lĩnh năm 2011* đã xác định, để thực hiện thành công các mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta và mục tiêu của chặng đường tới, toàn Đảng, toàn dân ta cần nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, ý chí tự lực, tự cường, phát huy mọi tiềm năng và trí tuệ, tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, quán triệt và thực hiện các phương hướng cơ bản: *Một là*, đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường (so với Đại hội X thêm cụm từ “gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường”). *Hai là*, phát triển nền kinh tế thị trường (KTTH) định hướng XHCN. *Ba là*, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực

hiện tiến bộ và công bằng xã hội (so với Đại hội X bổ sung cụm từ “xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội”). *Bốn là*, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội (so với Đại hội X bổ sung cụm từ “trật tự, an toàn xã hội”). *Năm là*, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế (tại Đại hội X mới xác định “chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế”). *Sáu là*, xây dựng nền dân chủ XHCN, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất (so với Đại hội X thêm cụm từ “tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất”). *Bảy là*, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. *Tám là*, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

** Nhận thức mới về mục tiêu và bước đi của CNH, HĐH.* Công cuộc đổi mới từ Đại hội VI của Đảng (1986) đã có sự điều chỉnh lớn từ nhận thức mục tiêu đến quá trình thực hiện CNH nền kinh tế nước ta. Tại Đại hội VIII, Đảng nhận định “nước ta đã bước sang thời kỳ phát triển mới - thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH”. Đại hội đã đề ra “mục tiêu của CNH, HĐH là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Từ nay đến năm 2020, ra sức phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp”. Đến Đại hội X, Đảng phát triển thêm một bước nhận thức mới về CNH, đó là “đẩy mạnh CNH, HĐH gắn liền với kinh tế tri thức”.

** Nhận thức mới về phát triển KTTT định hướng XHCN.* Các tác giả khẳng định, nhận thức về phát triển KTTT định hướng XHCN là một đột phá lý luận cơ bản và sáng tạo của Đảng, là thành quả lý luận quan trọng qua 25 năm đổi mới đất nước, nhất là 20 năm thực hiện *Cương lĩnh năm 1991. Cương lĩnh năm 1991* xác định định hướng lớn về chính sách kinh tế của Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH là *phát triển một nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng XHCN, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước*. Đại hội VIII đưa ra quan niệm mới, hết sức quan trọng về mối quan hệ giữa kinh tế hàng hóa và CNXH là “sản xuất hàng hóa không đối lập với CNXH, mà là thành tựu phát triển của nền văn minh nhân loại, tồn tại khách quan, cần thiết cho công cuộc xây dựng CNXH và cả khi CNXH đã được xây dựng”. Đến Đại hội IX, khái niệm *KTTT định hướng XHCN* mới chính thức được đưa ra, xem đó là *mô hình kinh tế tổng quát* trong suốt thời kỳ quá độ đi lên CNXH ở Việt Nam. Đảng nhận thức rằng, KTTT định hướng XHCN là một kiểu KTTT mới trong lịch sử phát triển của KTTT. Nó là một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo những quy luật của cơ chế thị trường vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của CNXH, thể hiện trên cả ba mặt: sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối, nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh.

** Nhận thức mới về vai trò của văn hóa, xây dựng nền văn hóa XHCN và vai trò của nhân tố con người.* *Cương lĩnh năm 1991* đã có một tư tưởng mang tính đột phá của Đảng trong nhận thức về vai trò của văn hóa. Đảng khẳng

định, văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển kinh tế-xã hội. Tư tưởng này tiếp tục được khẳng định qua các kỳ Đại hội VIII, IX. Tới Đại hội XI, văn kiện đại hội nhấn mạnh “... làm cho các giá trị văn hóa thấm sâu vào mọi mặt đời sống, được thể hiện cụ thể trong sinh hoạt, công tác, quan hệ hàng ngày của cộng đồng và từng con người, tạo sức đề kháng đối với các sản phẩm độc hại”. Một luận điểm quan trọng thể hiện nhận thức mới của Đảng là đã xác định sự gắn kết nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt với phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội, coi đó là “ba chân kiềng” bảo đảm cho sự phát triển bền vững đất nước.

Đảng khẳng định, trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, con người vẫn là hạt nhân cốt lõi. Do vậy, phải lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản có ý nghĩa quyết định. Từ đó cần phải nhấn mạnh, coi phát triển văn hóa là lĩnh vực cực kỳ quan trọng của chiến lược con người, chiến lược con người lại nằm ở vị trí trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế-xã hội. Điều đó có nghĩa là, phải đặt văn hóa vào trung tâm những vấn đề kinh tế, đồng thời bản thân văn hóa là lĩnh vực sản xuất đặc biệt góp phần trực tiếp tạo ra nguồn nhân lực ở trình độ phát triển ngày càng cao, nâng cao dân trí, tăng tiềm năng trong người lao động, thúc đẩy con người phát triển và hoàn thiện nhân cách. Đó chính là nhân tố cơ bản, sâu xa nhất bảo đảm sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước trong thời kỳ mới.

** Nhận thức mới về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội.* Tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội là những phạm trù

khác nhau, nhưng có mối quan hệ tác động qua lại với nhau. Tại Đại hội X, Đảng đã đưa ra tư tưởng chỉ đạo có tính chất định hướng chiến lược "... thực hiện tốt các chính sách xã hội trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn quyền lợi với nghĩa vụ, cống hiến và hưởng thụ, tạo động lực mạnh mẽ và bền vững hơn cho phát triển kinh tế-xã hội". Đổi mới tư duy về chính sách xã hội trong 25 năm qua được ghi đậm dấu ấn trong các nghị quyết, văn kiện của Đảng từ các kỳ Đại hội VI-XI. Tại Đại hội XI, Đảng đã bổ sung một số điểm mới như: "trên cơ sở đầu tư phát triển kinh tế, phải hết sức quan tâm tới yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động, giải quyết việc làm cho người lao động; tạo điều kiện giải quyết ngày càng nhiều việc làm, đặc biệt là cho nông dân", "kiên quyết khắc phục những bất hợp lý về tiền lương, tiền công, trợ cấp xã hội phù hợp với tình hình kinh tế-xã hội của đất nước",...

** Nhận thức mới về quá trình giải quyết mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị.* Giải quyết mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị là nội dung cốt lõi trong các quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng từ khi đổi mới đến nay. Tư duy phải đổi mới kinh tế, tạo cơ sở vững chắc để đổi mới toàn diện đất nước được xuất phát từ Đại hội VI. Chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng XHCN là sự đổi mới đột phá trong tư duy kinh tế của Đảng. Gắn liền với kinh tế, Đảng đã lãnh đạo đổi mới chính trị. Đảng xác định, có đổi mới mạnh mẽ về kinh tế mới tạo được các điều kiện cơ bản để giữ vững ổn định chính trị-xã hội và đổi mới chính trị, nhưng chính trị không thể chiếm vị trí hàng đầu so với kinh tế, nghĩa là đổi mới chính trị cũng thúc đẩy đổi mới kinh tế một cách tích cực.

Khái niệm "đổi mới chính trị" ở Việt Nam được hiểu là đổi mới tư duy chính trị về CNXH, đổi mới cơ cấu và cơ chế vận hành của hệ thống chính trị, giữ vững để xây dựng CNXH ngày càng vững mạnh, thực hiện tốt nền dân chủ của nhân dân trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và phát triển kinh tế-xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam,...

** Nhận thức mới về động lực xây dựng CNXH* với việc kết hợp hài hòa các loại lợi ích. Đại đoàn kết toàn dân trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Văn hóa là một trong những động lực phát triển đất nước.

** Nhận thức mới về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam với tư cách là một đảng cầm quyền.* Cùng với việc xác định Đảng là đảng cầm quyền, trong Văn kiện Đại hội XI, luận điểm "Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam" là một bước phát triển mới quan trọng về nhận thức của Đảng trong 25 năm qua. Nó vừa nói lên được bản chất giai cấp công nhân của Đảng theo chủ nghĩa Marx-Lenin, vừa thể hiện được nét đặc thù của Đảng theo sự phát triển sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh, phù hợp với thực tế Việt Nam, và đáp ứng được nguyện vọng, tình cảm của nhân dân.

Qua 25 năm đổi mới, với nhiều nghị quyết của các kỳ đại hội, hội nghị trung ương, công tác tư tưởng của Đảng đã góp phần tạo lập được sự ổn định về tư tưởng, chính trị, giữ vững sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong Đảng và xã hội. Cùng với đó, công tác tổ chức-cán bộ đảng, công tác đảng viên và

phương thức lãnh đạo của Đảng cũng được từng bước củng cố, hoàn thiện.

4. Một số bài học kinh nghiệm

Thực tiễn sinh động của 25 năm đổi mới toàn diện đất nước và đổi mới tư duy, lý luận về CNXH và xây dựng CNXH ở Việt Nam, Đảng đã rút ra những kinh nghiệm quý báu:

Một, phải vận dụng và phát triển sáng tạo những quan điểm của chủ nghĩa Marx-Lenin, quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về CNXH và xây dựng CNXH. Kết hợp hài hòa “cái phổ biến” với “cái đặc thù” trong nhận thức về CNXH và xây dựng CNXH.

Hai, xác định rõ mục tiêu, đặc trưng bản chất của CNXH (hay xã hội XHCN) ở Việt Nam, đồng thời biết lựa chọn các phương thức, cách thức để đạt mục tiêu, hiện thực hóa đặc trưng bản chất.

Ba, nhận thức và giải quyết đúng các quan hệ trong đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc làm nền tảng tinh thần xã hội.

Bốn, tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với thực hiện tiến bộ xã hội, công bằng xã hội, gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển bền vững.

Năm, tăng cường đổi mới công tác tư tưởng, lý luận của Đảng, xây dựng và hiện thực hóa lý luận về CNXH Việt Nam.

Sáu, đổi mới nhận thức về CNXH và xây dựng CNXH ở Việt Nam phải gắn thường xuyên với tổng kết thực tiễn, mở rộng diễn đàn trao đổi kinh nghiệm trong nước và quốc tế.

Bảy, trí tuệ, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng Cộng sản Việt Nam quyết định thắng lợi công cuộc đổi mới nói chung và đổi mới nhận thức về CNXH, xây dựng CNXH ở Việt Nam nói riêng.

5. Những vấn đề đặt ra trong nhận thức về CNXH và xây dựng CNXH ở Việt Nam qua 25 năm đổi mới

- Thứ nhất, *vấn đề KTTT định hướng XHCN*, tính hai mặt từ những tác động của KTTT mà chúng ta đang xây dựng ngày càng bộc lộ rõ nét, làm nảy sinh không ít vấn đề phức tạp mà việc giải đáp về mặt lý luận lại có nhiều ý kiến khác nhau, thậm chí trái ngược nhau về mối quan hệ giữa hai yếu tố cấu thành của khái niệm là KTTT và định hướng XHCN. Có thể phân biệt thành hai loại: *một là* khẳng định tính khoa học, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của khái niệm KTTT định hướng XHCN. *Hai là* bỏ cụm từ “định hướng XHCN”. Một số người thì cho rằng để nhằm tránh chủ quan duy ý chí trong xây dựng kinh tế, đồng thời phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế. Một số người khác thì cho rằng, chỉ vì trong khi còn nhiều vấn đề phức tạp chưa được làm sáng tỏ, vấn đề cấp thiết là xây dựng và phát triển KTTT với những tiêu chí quốc tế cũng phải được thừa nhận. Một số nhóm khác thì lập luận, định hướng XHCN là “thuộc tính nội tại”, là “yếu tố nội sinh” của nền KTTT trong điều kiện quá độ lên CNXH ở Việt Nam. Như vậy, việc bỏ cụm từ “định hướng XHCN” là để thể hiện “thuộc tính bản chất” đó của nền kinh tế Việt Nam.

- Thứ hai, *vấn đề chế độ công hữu trong nhận thức lý luận về CNXH*, trong quan niệm của Marx, việc xác lập chế độ công hữu và thủ tiêu chế độ tư hữu là hai mặt của một vấn đề - vấn đề chế độ sở hữu. Vì thế, vấn đề chế độ công hữu trở nên phức tạp hơn, khi mà sự phát triển kinh tế tư nhân còn là một trong những động lực của quá trình xây dựng nền KTTT định hướng XHCN ở nước ta hiện nay. Từ đó, có ý kiến cho rằng, chế

độ công hữu chỉ là giải pháp chứ không phải là mục tiêu của CNXH, do đó, quan điểm mác xít về chế độ công hữu không phải là vấn đề có tính nguyên tắc của CNXH khoa học. Còn việc thủ tiêu chế độ tư hữu là không thể thực hiện được. Không những thế, kinh tế tư nhân cũng là yếu tố cấu thành trong nền tảng của nền kinh tế.

Vì thế, trong quá trình bổ sung, phát triển quan niệm của Đảng về chế độ công hữu trong nhận thức lý luận về CNXH và xây dựng CNXH, cần làm sáng tỏ một số vấn đề: khái niệm “công hữu” (Marx còn dùng các thuật ngữ: sở hữu chung, sở hữu xã hội) là gì? Nó trở thành tất yếu với điều kiện nào? Chế độ công hữu được thực hiện với hình thức gì? Trải qua những giai đoạn phát triển nào? Gắn liền với xây dựng chế độ công hữu là quá trình xóa bỏ chế độ tư hữu, điều kiện, bước đi của quá trình này?

- Thứ ba, *mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội trong phát triển KTTT định hướng XHCN*, tăng trưởng kinh tế trong điều kiện nền KTTT, mặc dù là định hướng XHCN vẫn có khả năng dẫn tới phân hóa thu nhập, phân hóa giàu nghèo. Nhưng phân hóa đến mức nào, đến giới hạn nào là chấp nhận được và không làm chệch hướng XHCN?

- Thứ tư, *vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam*, hai vấn đề nổi lên và mang tính cấp thiết về mặt nhận thức là giải quyết mối quan hệ giữa ba cơ quan quyền lực của Nhà nước thống nhất thuộc về nhân dân và mối quan hệ giữa đảng cầm quyền với nhà nước trong điều kiện đảng cầm quyền là đảng duy nhất trong hệ thống chính trị ở Việt Nam.

Bên cạnh đó, trong thời kỳ đổi mới, mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà

nước quản lý và nhân dân làm chủ đã được giải quyết từng bước có hiệu quả và có bước tiến lớn. Tuy nhiên, mối quan hệ này cũng đang nảy sinh một số vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, làm rõ hơn cả về phương diện lý luận và thực tiễn: Đảng Cộng sản cầm quyền thể hiện ở nội dung, phương thức hoạt động nào? Nền dân chủ XHCN chỉ có một đảng lãnh đạo cần phải có phương thức nào, cơ chế nào để dân chủ “hơn triệu lần dân chủ tư sản”; Đảng lãnh đạo Nhà nước như thế nào để tính chất pháp quyền của Nhà nước ngày càng rõ nét?...

- Thứ năm, *vấn đề xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt* (theo tinh thần đưa ra tại Đại hội VIII), Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII đã ra Nghị quyết về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, mở Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Song, cho đến Đại hội X, nhận định vẫn là “công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng chưa đạt yêu cầu” và tại Đại hội XI, Đảng cũng thẳng thắn chỉ ra “công tác xây dựng Đảng còn nhiều hạn chế, yếu kém, chậm được khắc phục”.

Đảng đã cảnh báo rằng, đối với một đảng cầm quyền thì hai nguy cơ lớn nhất cần hết sức phòng tránh là sai lầm về đường lối và bệnh quan liêu. Tuy nhiên, từ thực tế công tác xây dựng Đảng trong quá trình đổi mới hiện nay, có thể thấy rằng, việc ngăn ngừa nguy cơ thoái hóa của đảng cộng sản cầm quyền là vấn đề phức tạp và khó khăn nhất cả về lý luận và thực tiễn.

Thời kỳ Đảng lãnh đạo công cuộc xây dựng đất nước trong điều kiện hòa bình, công tác tự phê bình và phê bình trong Đảng, mặc dù được thực hiện thường xuyên và được đẩy mạnh bằng các đợt sinh hoạt chính trị, nhưng tác dụng trở nên ngày càng yếu và kém

hiệu quả. Trong khi việc đánh giá, “sàng lọc” đảng viên khó khăn và phức tạp hơn rất nhiều so với thời kỳ đấu tranh giành chính quyền và thời kỳ lãnh đạo cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc.

Trong nghiên cứu này, các tác giả cũng phân tích, đưa ra một số căn cứ thực tiễn để dự báo sự phát triển nhận thức lý luận về CNXH ở Việt Nam và một số xu hướng phát triển nhận thức lý luận về CNXH, xây dựng CNXH ở Việt Nam trong thời gian tới.

6. Một số định hướng cơ bản và giải pháp chủ yếu nhằm bổ sung, phát triển nhận thức về CNXH và xây dựng CNXH ở Việt Nam trong những thập kỷ tới

** Một số định hướng cơ bản, gồm:*

Một là, kiên định chủ nghĩa Marx-Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa những thành tựu lý luận của Đảng về CNXH và xây dựng CNXH, trực tiếp là thời kỳ đổi mới phải được coi là định hướng cơ bản, có tính nguyên tắc hiện nay.

Hai là, phát huy dân chủ trong nghiên cứu lý luận gắn với tổng kết thực tiễn xây dựng CNXH ở Việt Nam phải trở thành nguyên tắc hoạt động khoa học ở nước ta.

Ba là, tăng cường công tác nghiên cứu lý luận về CNXH và xây dựng CNXH ở Việt Nam phù hợp với tiến trình phát triển của thế giới hiện đại, nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia tiêu biểu về xây dựng CNXH phải được quán triệt trong chiến lược khoa học ở nước ta.

Bốn là, bảo đảm sự thống nhất về nhận thức lý luận, tư tưởng và hành động, giữ vững bản lĩnh chính trị trong toàn Đảng; đồng thời đấu tranh không khoan nhượng với các quan điểm thù địch xuyên tạc về CNXH và con đường

đi lên CNXH ở Việt Nam phải được coi là nhiệm vụ thường xuyên trong hoạt động lý luận của Đảng.

** Một số nhóm giải pháp chủ yếu, gồm:*

Thứ nhất, tập trung tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận về CNXH và xây dựng CNXH ở Việt Nam.

Thứ hai, mở rộng các diễn đàn hợp tác, trao đổi kinh nghiệm với các nước XHCN, các trào lưu XHCN trên thế giới.

Thứ ba, bổ sung, phát triển lý luận về tổ chức xây dựng nền kinh tế trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

Thứ tư, đổi mới nhận thức lý luận, hoàn thiện hệ thống chính trị XHCN ở Việt Nam.

Thứ năm, đổi mới nhận thức và xây dựng nền văn hóa tiên tiến, mang đậm nét bản sắc dân tộc.

Thứ sáu, bổ sung, hoàn thiện nhận thức về phát triển nhân tố con người đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

Thứ bảy, nhận thức đúng và giải quyết tốt mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị.

Thứ tám, đổi mới nhận thức và thực hiện có hiệu quả cơ chế: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

Thứ chín, nhận thức đầy đủ về vai trò quan trọng của lý luận, nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu lý luận và xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác lý luận đáp ứng yêu cầu thực tiễn đã và đang đặt ra.

Thứ mười, đầu tư, tổ chức các cơ quan nghiên cứu lý luận đáp ứng yêu cầu phát triển lý luận về CNXH, xây dựng CNXH ở Việt Nam trong bối cảnh mới □